

Số: 302/TTr-HĐND

Nha Trang, ngày 12 tháng 12 năm 2023

**TỜ TRÌNH**

**Dự toán kinh phí hoạt động năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Nha Trang.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 11/8/2016 của HĐND tỉnh Khánh Hòa ban hành quy định về một số chế độ chi tiêu phục vụ hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh Khánh Hòa về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 09/2016/NQ-HĐND ngày 11/8/2016 về một số chế độ chi tiêu phục vụ hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Nhằm đảm bảo phục vụ các hoạt động của HĐND thành phố trong năm 2024, Thường trực HĐND thành phố đề nghị HĐND thành phố xem xét thông qua dự toán kinh phí hoạt động năm 2024 của HĐND thành phố, cụ thể như sau:

| STT   | NỘI DUNG CHI   | DỰ TOÁN            |
|---|--|--------------------|
| <b>A. Kinh phí phục vụ hoạt động của Thường trực và các Ban</b> |  | <b>372,720,000</b> |
| 1   | Kinh phí hội nghị giao ban thường kỳ hàng quý giữa Thường trực và các Ban HĐND thành phố với Thường trực HĐND các xã, phường.  | 25,480,000         |
| 2   | Kinh phí phục vụ các phiên họp thường kỳ hàng tháng của Thường trực HĐND thành phố   | 12,960,000         |
| 3   | Kinh phí phục vụ các phiên họp do Thường trực HĐND thành phố chủ trì   | 18,000,000         |
| 4   | - Chi xây dựng chương trình, kế hoạch nhiệm kỳ của Thường trực HĐND<br>- Chi xây dựng báo cáo hoạt động định kỳ của Thường trực, các Ban của HĐND trình tại kỳ họp<br>- Chi xây dựng nghị quyết do Thường trực HĐND trình tại kỳ họp.<br>- Chi cho việc rà soát nội dung kỹ thuật hoàn thiện nghị quyết sau khi HĐND thông qua | 236,280,000        |



|   |   |                    |
|---|---|--------------------|
| 5   | Trang bị phương tiện làm việc của Thường trực HĐND  | 20,000,000         |
| 6   | Kinh phí xăng, xe phục vụ các hoạt động của Thường trực HĐND thành phố.   | 40,000,000         |
| 7   | Kinh phí mua tài liệu kinh tế, pháp luật, in sao tài liệu phục vụ hoạt động của Thường trực   | 20,000,000         |
| <b>B. Kinh phí phục vụ hoạt động của đại biểu</b>     |   | <b>532,360,000</b> |
| 8   | - Hoạt động phí hàng tháng của đại biểu HĐND thành phố (40% mức lương tối thiểu)<br>$1.800.000 \text{ đ/tháng} \times 12 \text{ tháng} \times 35 \text{ đại biểu} \times 0.4 = 302.400.000 \text{ đ}$ | 358,560,000        |
|   | - Phụ cấp cho Phó Chủ tịch HĐND chuyên trách<br>$1.800.000 \text{ đ/tháng} \times 12 \text{ tháng} \times 1,0 \times 01 \text{ người} = 21.600.000 \text{ đ}$   |                    |
|   | - Phụ cấp cho Phó các Ban của HĐND chuyên trách<br>$1.800.000 \text{ đ/tháng} \times 12 \text{ tháng} \times 0,8 \times 02 \text{ người} = 35.560.000 \text{ đ}$                                      |                    |
|   |   |                    |
| 9   | Hỗ trợ cho Tổ trưởng tổ đại biểu  | 18,000,000         |
| 10  | Hỗ trợ đại biểu HĐND không hưởng lương từ ngân sách nhà nước  | 800,000            |
| 11  | Hỗ trợ thông tin liên lạc cho đại biểu:   | 63,000,000         |
| 12  | Hỗ trợ tiền khám, chăm sóc sức khỏe   | 42,000,000         |
| 13  | Chi cho công tác xã hội theo Điều 14 Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh (thăm ốm, phúng điếu, thăm hỏi Tết Nguyên đán...)   | 50,000,000         |
| <b>C. Kinh phí phục vụ hoạt động tiếp xúc cử tri:</b> |   | <b>67,200,000</b>  |
| 14  | - Hỗ trợ cho đại biểu HĐND và chuyên viên tổng hợp khi tiếp xúc và trả lời ý kiến cử tri  | 62,400,000         |
| 15  | - Hỗ trợ xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri của Tổ đại biểu  | 3,000,000          |
| 16  | - Hỗ trợ xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri trình kỳ họp   | 1,800,000          |
| <b>D. Kinh phí phục vụ các kỳ họp HĐND:</b>           |   | <b>413,440,000</b> |
| 17  | - Mức chi hỗ trợ chủ tọa kỳ họp   | 2,400,000          |
|   | - Mức chi hỗ trợ cho đại biểu và khách mời:   | 176,000,000        |
|   | - Mức chi hỗ trợ cho nhân viên phục vụ  | 47,040,000         |
| 18  | Kỳ họp chuyên đề (dự kiến 06 kỳ)  | 120,000,000        |
| 19  | Chi in ấn tài liệu phục vụ các kỳ họp thường kỳ và chuyên đề  | 48,000,000         |
| 20  | Chi phí nước uống và trang trí hội trường cho các kỳ họp thường kỳ và chuyên đề   | 20,000,000         |
| <b>E. Kinh phí thẩm tra, giám sát</b>                 |   |                    |
| 21  | Kinh phí hỗ trợ thẩm tra, giám sát, khảo sát của HĐND, Thường trực và các ban HĐND  | 298,180,000        |
| <b>F. Chi cho hoạt động chất vấn, giải trình</b>      |   |                    |



|                         |  |                      |
|-------------------------|--|----------------------|
| 22                      | Chi xây dựng bộ hồ sơ chất vấn, giải trình | 4,000,000            |
|                         | 10 bộ/ 2 kỳ họp x 400.000 đ = 4.000.000 đ  |                      |
| <b>G. Kinh phí khác</b> |  | <b>790,000,000</b>   |
| 23                      | Chi phí khác                               | 50,000,000           |
| 24                      | Dự phòng chi                               | 40,000,000           |
| 25                      | Học tập, bồi dưỡng trong và ngoài nước     | 700,000,000          |
| <b>Tổng cộng</b>        |  | <b>2,477,900,000</b> |

**Tổng cộng:** 2.477.900.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm ngàn đồng chẵn).

Kính trình Hội đồng nhân dân xem xét thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- Các đại biểu HĐND thành phố;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố;
- Văn phòng HĐND và UBND thành phố;
- Lưu: VT. T.Nhung.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bảo Thọ**

